

Biểu số 006.N/BCB-KHCN
Ban hành kèm theo Nghị định
số 139/2026/NĐ-CP ngày
07/4/2026
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp
sau năm báo cáo

**SỐ THUÊ BAO ĐIỆN
THOẠI THUÊ BAO TRUY
NHẬP INTERNET BĂNG
RỘNG CHIA THEO ĐỊA
PHƯƠNG**

Có tại ngày 31 tháng 12 năm ...

Đơn vị báo cáo:
Bộ Khoa học và Công
nghệ
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Thống kê, Bộ Tài
chính

Đơn vị tính: 1000 thuê bao

	Mã số	Số lượng thuê bao điện thoại tính đến 31/12 năm báo cáo			Số lượng thuê bao truy nhập Internet tính đến 31/12 năm báo cáo		
		Tổng số	Thuê bao cố định	Thuê bao di động	Tổng số	Thuê bao băng rộng cố định	Thuê bao băng rộng di động
(A)	(B)	(1)= (2)+(3)	(2)	(3)	(4)= (5)+(6)	(5)	(6)
Tổng số	01						
1. Chia theo vùng kinh tế - xã hội							
1.1. Vùng đồng bằng sông Hồng	02						
1.2. Vùng trung du và miền núi phía Bắc	...						
1.3. Vùng Bắc Trung Bộ							
1.4. Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên							
1.5. Vùng Đông Nam Bộ							
1.6. Vùng đồng bằng sông Cửu Long							
2. Chia theo tỉnh/thành phố							

(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)							
2.1. Hà Nội							
2.2. ...							

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 006.N/BCB-KHCN: Số thuê bao điện thoại, thuê bao truy nhập Internet chia theo địa phương

1. Khái niệm, phương pháp tính

a) Số lượng thuê bao điện thoại

Số lượng thuê bao điện thoại là số thuê bao điện thoại cố định đang hòa mạng và số thuê bao điện thoại di động phát sinh lưu lượng thoại, tin nhắn, dữ liệu đang hoạt động hai chiều và thuê bao bị khóa một chiều tính tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

Phương pháp tính:

Đối với thuê bao điện thoại cố định: Sử dụng số liệu thống kê trên hệ thống của doanh nghiệp tính tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

Đối với thuê bao điện thoại di động là tổng số thuê bao phát sinh lưu lượng thoại, tin nhắn, dữ liệu đang hoạt động hai chiều và thuê bao bị khóa một chiều tính tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

b) Số lượng thuê bao truy nhập Internet băng rộng

Số thuê bao truy nhập Internet băng rộng gồm số thuê bao truy nhập Internet băng rộng cố định và số thuê bao truy nhập Internet băng rộng di động đang được duy trì dịch vụ tính tại thời điểm cuối kỳ báo cáo.

2. Cách ghi biểu

Biểu số 006.N/BCB-KHCN: Số thuê bao điện thoại, thuê bao truy nhập Internet chia theo địa phương

- Cột 1: Ghi tổng số thuê bao điện thoại có tại ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Cột 2: Ghi số lượng thuê bao điện thoại cố định có tại ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Cột 3: Ghi số lượng thuê bao điện thoại di động có tại ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Cột 4: Ghi tổng số thuê bao truy nhập Internet có tại ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

- Cột 5: Ghi số thuê bao truy nhập Internet cố định có tại ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Cột 6: Ghi số thuê bao truy nhập Internet di động có tại ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.
- Giải trình số liệu tăng, giảm đột xuất (nếu có).

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê ngành Khoa học và Công nghệ.